

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH BÌNH THUẬN**

Bản án số: 17/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 15/4/2022

V/v: “Ly hôn, nuôi con chung”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P - TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Bính

2. Ông Nguyễn Lê Phong

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Thảo Nguyên, thư ký Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Mỹ Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự về Hôn nhân và gia đình thụ lý số 13/2022/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2022, về việc: “Ly hôn, nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Trương Thị Thùy T, sinh năm 1991

Địa chỉ: thôn Kim Bình, xã Hàm T, huyện Hàm Thuận B, Bình Thuận.

Bị đơn: ông Lê Anh V, sinh năm 1982

Địa chỉ: khu phố 5, phường Phú T, Tp.P, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 11/11/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trương Thị Thùy T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, bà và ông Lê Anh V tự nguyện tìm hiểu, sống chung, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Phú Thủy, thành phố P, tỉnh Bình Thuận, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 02/2015, ngày 04/12/2015. Sau khi cưới nhau ông bà sống chung với gia đình chồng, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã do ông V và bà bất đồng về nhiều mặt, hàng tháng ông V không đưa tiền trang trải cuộc sống và nuôi con, nên ông bà xảy ra xô xát vào năm 2021, bà T dẫn con về nhà mẹ ruột sống từ đó đến nay, mạnh ai nấy sống không còn quan tâm chăm sóc nhau, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hòa giải, không thể tiếp tục chung sống hạnh phúc với nhau được nữa. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Anh V.

Về con chung: ông bà có 01 con chung là Lê Trương An N, (giới tính: nữ, sinh ngày 20/12/2017, con chung hiện bà đang chăm sóc nuôi dưỡng, sau ly hôn bà muốn tiếp tục được trực tiếp nuôi con, yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con

2.000.000 đồng/tháng đến khi bé Nhiên tròn 18 tuổi. Về tài sản và nợ chung bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lê Anh V vắng mặt tại phiên tòa giải nhưng có gửi đơn xin vắng-ly do bận việc, yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Trong quá trình giải quyết ông V cũng vắng mặt tại Phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải không lý do nhưng có gửi bản tự khai thể hiện ý chí của mình. Ông xác nhận có đăng ký kết hôn như bà T trình bày, đồng ý ly hôn, đồng ý giao con chung sau ly hôn cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông V tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung bé Lê Trương An N, (giới tính: nữ), sinh ngày 20/12/2017, mỗi tháng 2.000.000 đồng như bà T yêu cầu, với điều kiện ông được thăm con. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố P tại phiên tòa:

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự: xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn bị đơn đều thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về hôn nhân, bà Trương Thị Thùy T được ly hôn ông Lê Anh V, về con chung, giao con chưa thành niên cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông V tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 tháng đến khi con tròn 18 tuổi và có khả năng lao động; về tài sản và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, về án phí bà Trương Thị Thùy T, ông Lê Anh V phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: bà Trương Thị Thùy T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Anh V có nơi cư trú tại thành phố P; về con chung ông bà có một con chung chưa thành niên là Lê Trương An N. Đây là vụ kiện “Ly hôn, nuôi con chung” quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án thành phố P quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành các bước thụ lý, hòa giải, ra Quyết định xét xử... nguyên đơn tham gia và chấp hành đầy đủ theo qui định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông V nhưng ông V vẫn vắng mặt nên Tòa án đã tiến hành lập biên bản đúng theo quy định của khoản 2 Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự và xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về pháp luật được áp dụng để giải quyết: bà Trương Thị Thùy T và ông Lê Anh V tự nguyện tìm hiểu, sống chung, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Phú T, thành phố P, tỉnh Bình Thuận, theo Giấy chứng nhận

kết hôn số 02/2015, ngày 04/12/2015 nên là hôn nhân hợp pháp. Vì vậy, căn cứ vào Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 để giải quyết.

[4]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử nhận thấy:

[4.1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà T cho rằng, cuộc sống hôn nhân không được như ý muốn, xảy ra nhiều mâu thuẫn, có rất nhiều nguyên nhân, gia đình hiện nay thực sự đã tan vỡ, mâu thuẫn về kinh tế và tình cảm dẫn đến bế tắc trong cuộc sống, cả hai không mang lại hạnh phúc cho nhau nên bà yêu cầu HĐXX xem xét cho ông bà được ly hôn.

HĐXX xét thấy thực tế ông bà đã không sống cùng nhau đã vi phạm Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 về tình nghĩa vợ chồng, ông bà sống ly thân từ đầu năm 2021 trở lại đây, ông bà đã thuận tình ly hôn, điều đó thể hiện hôn nhân của ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên HĐXX có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T với ông V theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4.2]. Về con chung: ông bà có 01 con chung là Lê Trương An N, (giới tính: nữ); sinh ngày 20/12/2017, con chung hiện bà đang chăm sóc nuôi dưỡng, sau ly hôn bà muốn tiếp tục được trực tiếp nuôi con, yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng đến khi bé N tròn 18 tuổi. HĐXX nhận thấy yêu cầu này là phù hợp, không làm xáo trộn cuộc sống của bé và bị đơn cũng đồng ý nên chấp nhận giao con chung chưa thành niên cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng và chấp nhận mức cấp dưỡng như trên.

[4.3]. Về tài sản và nợ chung: ông V, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5]. Về án phí: bà T phải nộp 300.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình; ông V phải nộp 300.000đ án phí Dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 146; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trương Thị Thùy T đối với ông Lê Anh V; bà Trương Thị Thùy T được ly hôn đối với ông Lê Anh V.

Về con chung: ông bà có ông bà có 01 (một) con chung là Lê Trương An N, (giới tính: nữ); sinh ngày 20/12/2017.

Giao con chung cho bà T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn.

Ông Lê Anh V cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Ông Lê Anh V được quyền thăm nom chăm sóc và giáo dục con chung.

Bà T không được ngăn cản ông V trong việc thăm nom chăm sóc và giáo dục con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng nuôi con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trường hợp có yêu cầu của cha mẹ hoặc các nhân, tổ chức theo quy định pháp luật tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: ông Lê Anh V, bà Trương Thị Thùy T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí: bà Trương Thị Thùy T phải nộp 300.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình; ông Lê Anh V phải nộp 300.000đ án phí Dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con. Ngày 05/01/2022 bà T đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004252 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố P nay chuyển sang án phí, án phí bà T đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (15/4/2022), bị đơn ông Lê Anh V vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được cấp, tổng đạt, niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (*được sửa đổi, bổ sung năm 2014*), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (*được sửa đổi, bổ sung năm 2014*).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Tp.P;
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- Chi cục THADS Tp.P;
- UBND các đương sự ĐKKH;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bích Ngọc

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Lê Phong

Nguyễn Bính

Nguyễn Thị Bích Ngọc